

Số: 04/QC-KTĐ3

Kiên Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2019

QUY CHẾ

Về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của Khối thi đua - Khối 3

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng; Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cùm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Khối thi đua - Khối 3 (gọi chung là Khối) thống nhất ban hành Quy chế về hoạt động và bình xét thi đua năm 2019 như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Khối có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác, nội dung, phương pháp, tổ chức phát động phong trào thi đua theo chỉ đạo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (TĐKT) tỉnh nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đăng ký giao ước thi đua hàng năm giữa các thành viên trong Khối.

2. Các thành viên trong Khối thực hiện công tác TĐKT với tinh thần đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ cùng phát triển; tạo sự đồng thuận cao trong các hoạt động của Khối góp phần phát triển phong trào thi đua yêu nước trong cơ quan, đơn vị và của tỉnh.

3. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình tổ chức phát động và thực hiện các phong trào thi đua, các nhiệm vụ chính trị được giao nhằm phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trong 06 tháng đầu năm và cả năm; tổng hợp bảng tự chấm điểm của các thành viên trong Khối phục vụ cho công tác tổng kết và xem xét đề nghị Ban TĐKT tỉnh, Hội đồng TĐKT tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

I. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Khối gồm 07 đơn vị, cụ thể:

- Sở Xây dựng (Khối trưởng);
- Sở Công thương (Khối phó);
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Sở Giao thông Vận tải;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài chính.

2. Điều hành hoạt động của Khối là do Khối trưởng, Khối phó và có Thường trực Khối giúp việc cho Khối trưởng, Khối phó.

3. Khối trưởng và Khối phó do các thành viên của Khối đề cử trong kỳ họp hội nghị tổng kết hàng năm và thực hiện theo chế độ luân phiên.

4. Thường trực Khối là lãnh đạo Văn phòng (hoặc Phòng Tổ chức cán bộ) phụ trách công tác TĐKT và công chức làm công tác TĐKT của đơn vị Khối trưởng và Khối phó.

II. TRÁCH NHIỆM

1. Khối trưởng:

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng TĐKT tỉnh và UBND tỉnh về hoạt động của Khối và có nhiệm vụ:

+ Xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động và bình xét thi đua của Khối.

+ Xây dựng các nội dung, tiêu chí thi đua, thang điểm theo quy chế hoạt động và bình xét thi đua của Khối phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của Khối và các thành viên trong Khối đảm bảo về nội dung và các tiêu chí thi đua chủ yếu theo khung điểm đã được quy định.

+ Tổ chức ký kết giao ước thi đua, phối hợp hoạt động chung của Khối để các đơn vị thành viên trao đổi về nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác TĐKT, bàn các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

+ Chủ trì việc rà soát, chấm điểm thi đua cho các đơn vị thành viên trong Khối, phối hợp với Ban TĐKT tỉnh để tổng hợp đánh giá công tác TĐKT các đơn vị thành viên trong Khối và đề nghị Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh xem xét trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các đơn vị tiêu biểu trong Khối theo quy định.

+ Chủ trì tổ chức Hội nghị tổng kết năm tại đơn vị Khối trưởng và phối hợp với Khối phó tổ chức Hội nghị sơ kết 06 tháng đầu năm của Khối tại đơn vị Khối phó.

2. Khối phó:

- Phối hợp với Khối trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế, các văn bản quy định về tổ chức điều hành hoạt động của Khối.

- Thay mặt Khối trưởng giải quyết một số công việc khi Khối trưởng ủy quyền.

- Phối hợp với Khối trưởng chủ trì tổ chức Hội nghị sơ kết 06 tháng đầu năm của Khối.

3. Bộ phận thường trực giúp việc Khối trưởng:

- Tham mưu giúp việc cho Khối trưởng, Khối phó triển khai thực hiện các yêu cầu của Hội đồng TĐKT tỉnh, Ban TĐKT tỉnh. Trên cơ sở thống nhất của các đơn vị thành viên trong Khối, tham mưu cho Khối trưởng, Khối phó ban hành các văn bản và Quy chế về tổ chức hoạt động, thi đua của Khối.

- Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các giao ước thi đua, các nội dung, tiêu chí thi đua và công tác khen thưởng của các đơn vị thành viên trong Khối thi đua. Chuẩn bị các nội dung và điều kiện tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết và tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các thành viên trong Khối.

- Liên hệ với Ban TĐKT tỉnh và các ngành chức năng có liên quan để lấy số liệu phục vụ việc rà soát, chấm điểm các tiêu chí liên quan đến các hoạt động thi đua của các thành viên trong Khối.

- Tổng hợp điểm thi đua của các đơn vị thành viên, tham mưu cho Khối trưởng đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng TĐKT tỉnh, Ban TĐKT tỉnh và Khối trưởng, Khối phó giao.

4. Các đơn vị thành viên trong Khối thi đua:

- Đăng ký giao ước thi đua, nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ thi đua hàng năm gửi Khối trưởng và các thành viên theo quy định trong quý I hàng năm.

- Tham gia xây dựng nội dung và các tiêu chí thi đua, thang điểm của Khối. Tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền giao.

- Tham gia đầy đủ và đúng thành phần các hoạt động của Khối.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết giao ước thi đua. Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hiện phong trào thi đua của đơn vị mình 6 tháng đầu năm và cả năm. Tự chấm điểm thi đua theo quy chế hoạt động và gửi báo cáo về Khối trưởng theo quy định.

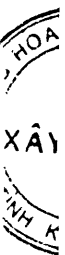
III. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

1. Chế độ báo cáo: Báo cáo được gửi về Hội đồng TĐKT tỉnh, Ban TĐKT tỉnh và Khối trưởng, Khối phó và các thành viên trong Khối cụ thể như sau:

- Bản đăng ký thi đua kèm theo Nghị quyết HĐND tỉnh, UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền giao về chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (chỉ tiêu của ngành) của năm gửi trong tháng 4/2019.

- Báo cáo sơ kết 06 tháng đầu năm do lãnh đạo đơn vị ký gửi trước ngày 30/6/2019 gửi cho Khối trưởng, Khối phó và các thành viên trong Khối.

- Báo cáo tổng kết thực hiện giao ước thi đua năm cùng với bản phụ lục tự chấm điểm của lãnh đạo đơn vị ký gửi trước ngày 31/12/2019. Kèm theo báo cáo



thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị gửi cho Khối trưởng, Khối phó và các thành viên trong Khối, để Thường trực Khối có cơ sở rà soát chấm điểm cho các thành viên trong Khối.

- Sau khi gửi báo cáo tổng kết thực hiện giao ước thi đua với bản phụ lục tự chấm điểm, nếu đơn vị nào trong Khối bổ sung, điều chỉnh lại số liệu (có văn bản xác nhận của lãnh đạo đơn vị) gửi cho Khối trưởng, Khối phó trước ngày tổ chức Hội nghị tổng kết 10 ngày làm việc.

- Khi thực hiện xong việc rà soát kết quả chấm điểm của các thành viên trong Khối, Khối trưởng báo cáo với thành viên của Hội đồng TĐKT tỉnh phụ trách Khối chậm nhất 05 ngày trước khi tiến hành tổ chức Hội nghị tổng kết Khối.

- Báo cáo tham luận của các thành viên trong Khối (nếu có).

Các văn bản trên phải gửi kèm theo các file điện tử qua địa chỉ email: hsd@kiengiang.gov.vn hoặc ttsuu.hsd@kiengiang.gov.vn

2. Hội nghị sơ kết: Tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm: Do Khối phó chủ trì (theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh).

a) Thành phần: Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh phụ trách Khối; đại diện lãnh đạo và chuyên viên theo dõi Khối của Ban TĐKT tỉnh; lãnh đạo cơ quan, đơn vị và chuyên viên làm công tác TĐKT của đơn vị thành viên Khối; các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến (nếu có).

b) Nội dung:

- Sơ kết đánh giá phong trào thi đua và kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký đầu năm và bản biện pháp triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Khối.

- Trao đổi nghiệp vụ về công tác TĐKT.

- Giao lưu, gặp gỡ, học tập các điển hình tiên tiến.

c) Thời gian: Hoàn thành trong tháng 6 hàng năm.

3. Hội nghị tổng kết: Do Khối trưởng chủ trì (theo quy định tại Khoản 4 Điều 5, Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh).

a) Thành phần: Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh phụ trách Khối; đại diện lãnh đạo và chuyên viên theo dõi Khối của Ban TĐKT tỉnh; lãnh đạo cơ quan, đơn vị và chuyên viên làm công tác TĐKT của đơn vị thành viên Khối; các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến (nếu có).

b) Nội dung:

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện giao ước thi đua, các phong trào thi đua yêu nước trong năm và bản biện pháp triển khai nhiệm vụ năm tiếp theo của Khối (theo đề cương của Hội đồng TĐKT tỉnh);

- Phổ biến mô hình mới, cách làm hay và giao lưu, học tập các điển hình tiên tiến.

- Thông báo kết quả chấm điểm và xếp hạng thi đua của các thành viên trong Khối. Bình chọn, suy tôn các đơn vị tiêu biểu đề nghị UBND tỉnh tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” và “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” theo quy định;

- Lựa chọn và giới thiệu Khối trưởng, Khối phó mới;

- Phát động phong trào thi đua và ký kết giao ước thi đua.

c) Thời gian: Hoàn thành chậm nhất đến cuối tháng 01 năm sau.

*** Lưu ý:** Các đơn vị tổ chức sơ, tổng kết hoạt động cần thống nhất với thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh được phân công phụ trách đề dự, chỉ đạo.

C. CÁC NỘI DUNG THI ĐUA

Nội dung thi đua của Khối thực hiện theo điều 7 Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh. Tổng điểm thi đua là 1.000 điểm, trong đó, điểm thực hiện 03 nội dung thi đua là 950 điểm gồm: Nội dung 1 được 650 điểm, nội dung 2 được 200 điểm, nội dung 3 được 100 điểm và điểm thưởng là 50 điểm, cụ thể như sau:

- **Nội dung 1:** Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao. Điểm chuẩn là 650 điểm, điểm thưởng là 40 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ (Các đơn vị đăng ký 5 chỉ tiêu định lượng, mỗi chỉ tiêu định lượng có điểm chuẩn là 70 điểm. Các chỉ tiêu định lượng nếu không đạt kế hoạch, thì cứ đạt bao nhiêu phần trăm kế hoạch thì được tính bấy nhiêu phần trăm điểm chuẩn).	350		
	<p>Chỉ tiêu, nhiệm vụ Sở Xây dựng (Khối trưởng) đăng ký:</p> <p>- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 86,2%.(Quyết định số 73/QĐ-UBND, ngày 14/01/2019 của UBND quy định chỉ tiêu phát triển KT-XH tỉnh Kiên Giang năm 2019).</p> <p>- Thực hiện Đoàn thanh tra, kiểm tra chuyên ngành: 10 đoàn.(02 cuộc thanh tra hành chính; 04 cuộc thanh tra chuyên ngành; 04 cuộc kiểm tra hoạt động xây dựng)</p>			

XHCA
SỞ
DỰ
N G

<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính: tỷ lệ trả hồ sơ trước hạn đạt 10% trở lên. - Tỷ lệ gửi văn bản điện tử qua mạng giữa các cơ quan nhà nước đạt 85% trở lên. - Doanh thu của 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc: 14,5 tỷ đồng. 			
<p><i>Chỉ tiêu, nhiệm vụ Sở Công thương (Khối phó) đăng ký:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 9,20% so với cùng kỳ. - Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ dự kiến đạt 108.200 tỷ đồng, tăng 12,58% so với cùng kỳ. - Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện dự kiến đến cuối năm 2019 đạt 99,2%. - Kim ngạch nhập khẩu dự kiến đạt 60 triệu USD - Kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt 680 triệu USD tăng 6,25% so với cùng kỳ. 			
<p><i>Chỉ tiêu, nhiệm vụ Sở Thông tin và Truyền thông đăng ký:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành và tỷ lệ gửi văn bản điện tử qua mạng giữa các cơ quan nhà nước đạt từ 85% trở lên. - Xã, phường, thị trấn triển khai hệ thống Một cửa điện tử đạt 60%. - Hỗ trợ đầu tư về tỉnh DTH cho các xã, đảo thuộc thuộc huyện Kiên Hải, Phú Quốc tỉnh Kiên Giang đạt 390 đầu tư. - Tổng số thuê bao internet có trên mạng: 203.831 thuê bao. - Thanh tra, kiểm tra lĩnh vực thông tin và truyền thông 07 cuộc. 			
<p><i>Chỉ tiêu, nhiệm vụ Sở Tài chính đăng ký:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu nội địa: 10.300 tỷ đồng. - Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 140 tỷ đồng. - Bội thu ngân sách địa phương: 8,6 tỷ đồng. 			

<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính: tỷ lệ trả hồ sơ trước hạn đạt 10% trở lên. - Tỷ lệ gửi văn bản điện tử qua mạng giữa các cơ quan nhà nước đạt 85% trở lên. 			
<p>Chỉ tiêu, nhiệm vụ Sở Giao thông vận tải đăng ký:</p> <p>Giao thông nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường giao thông ấp và liên ấp đạt 83,4%. <p><i>(Quyết định số 73/QĐ-UBND, ngày 14/01/2019 của UBND quy định chỉ tiêu phát triển KT-XH tỉnh Kiên Giang năm 2019).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đưa vào ứng dụng 70% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GTVT vào phần mềm dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 (73/104 TTHC). - Áp dụng Công nghệ TT trong công tác chuyển văn bản điện tử qua mạng giữa các cơ quan QLNN đạt tỷ lệ 80% trở lên. - Vận tải hành khách tăng 7% so với năm 2018 (năm 2019 là 93,186 ngàn lượt HK). - Thực hiện 5/5 cuộc thanh tra chuyên ngành, hành chính theo Quyết định số 230/QĐ-SGTVT, ngày 07/02/2018 của Sở GTVT 			
<p>Chỉ tiêu, nhiệm vụ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng ký:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp: Sản lượng lúa: 4.300.000 tấn. - Phát triển nông thôn số xã đạt 19/19 tiêu chí: 12 xã. - Tổng sản lượng khai thác thủy sản: 591.000 tấn. - Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản: 243.000 tấn - Diện tích trồng rừng trong năm: 732 ha 			
<p>Chỉ tiêu, nhiệm vụ Sở Tài Nguyên và Môi trường đăng ký:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hoàn thành Dự án “Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Kiên Giang - giai đoạn 1” công 			



	<p>bố Danh mục hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn trên địa bàn tỉnh: 100% kế hoạch..</p> <p>- Thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt 90% trở lên.</p> <p>- Tăng cường và nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo tỷ lệ giải quyết hồ sơ đạt từ 90% trở lên.</p> <p>- Thực hiện công tác tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên và môi trường: trong năm, tổ chức ít nhất 02 cuộc tuyên truyền.</p> <p>- Đưa 400 tin, bài viết, hình ảnh và hoạt động của ngành tài nguyên và môi trường lên website của Sở.</p>			
2	Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực sở, ngành phụ trách hoặc nghiên cứu tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hoặc văn bản chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm hoặc ban hành văn bản hướng dẫn quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách.	50		
3	Chỉ số cải cách hành chính (Kết quả xếp hạng cải cách hành chính của UBND tỉnh). (Loại xuất sắc: 100 điểm; loại tốt: 95 điểm; loại khá: 90 điểm; loại trung bình: 85 điểm).	100		
4	Tổ chức hiệu quả trong quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ của sở, ngành (về quy hoạch, kế hoạch; kiểm tra, giám sát; đào tạo, bồi dưỡng...).	50		
5	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí (không có vụ việc vi phạm xảy ra)	50		
6	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.	50		

- **Nội dung 2:** Thi đua thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và xây dựng hệ thống chính trị. Điểm chuẩn là 200 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
-----	------------------	------------	-----------	----------

1	Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	50		
2	Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thi hành; Nghị quyết hội nghị Trung ương 6 Khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các văn bản tổ chức thực hiện.	40		
3	Triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	30		
4	Tổ chức đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.	30		
5	Tổ chức Đảng, đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh.	50		
5.1	Tổ chức Đảng đạt trong sạch vững mạnh. (Đạt: 15 điểm, không đạt: 10 điểm)	15		
5.2	Tổ chức Công đoàn cơ sở đạt vững mạnh. (Đạt: 15 điểm, không đạt: 10 điểm)	15		
5.3	Tổ chức Đoàn Thanh niên đạt vững mạnh. (Đạt: 10 điểm, không đạt: 05 điểm)	10		
5.4	Đơn vị đạt Đơn vị văn hóa. (Đạt: 10 điểm, không đạt: 0 điểm)	10		

- **Nội dung 3:** Thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác TĐKT. Điểm chuẩn là 100 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Triển khai kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về TĐKT.	5		

2	Có quy chế công tác TĐKT và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác TĐKT; Hội đồng TĐKT được kịp thời mỗi khi có thay đổi và có quy chế hoạt động của Hội đồng; Hội đồng xét sáng kiến cơ sở được kiện toàn kịp thời mỗi khi có thay đổi và có quy chế hoạt động của Hội đồng.	15		
3	Tổ chức triển khai thực hiện phong trào thi đua (PTTĐ) thường xuyên hàng năm, thi đua theo đợt (theo chuyên đề) đúng thẩm quyền (xây dựng kế hoạch phát động PTTĐ; tổ chức thực hiện; đánh giá kết quả và tác động của các PTTĐ đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.	15		
4	Hưởng ứng các phong trào thi đua (PTTĐ) do tỉnh phát động (Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh...) và 3 PTTĐ trọng tâm do UBND tỉnh hưởng ứng phát động (PTTĐ “Chung sức xây dựng nông thôn mới”; PTTĐ “Chung tay vì người nghèo và công tác xã hội - từ thiện”; PTTĐ “Doanh nghiệp Kiên Giang hội nhập và phát triển”) (xây dựng kế hoạch phát động hoặc kế hoạch hưởng ứng; tổ chức thực hiện; kết quả thực hiện) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.	15		
5	Thực hiện công tác tuyên truyền về TĐKT; công tác phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến của cơ quan, đơn vị (xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện; đánh giá kết quả đạt được).	10		
6	Thực hiện công tác khen thưởng	15		
6.1	Công tác thẩm định hồ sơ và trình khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và đúng thời gian quy định	5		
6.2	Khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác theo thẩm quyền đạt từ 65% trở lên so với tổng số cá nhân được khen thưởng trong năm.	3		

6.3	Khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác (được cấp tỉnh hoặc tương đương khen đạt từ 60% trở lên so với tổng số cá nhân được cấp tỉnh hoặc tương đương khen thưởng trong năm.	3		
6.4	Phát hiện khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng (khen đột xuất tập thể, cá nhân).	4		
7	Có kế hoạch và triển khai thực hiện kiểm tra (tự kiểm tra), giám sát về công tác TĐKT; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan công tác TĐKT đúng quy định, không để tồn đọng.	10		
8	Tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ làm công tác TĐKT; công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác TĐKT.	5		
9	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo 6 tháng, 01 năm và các báo cáo khác đầy đủ, đúng thời gian quy định.	10		

D. NGUYÊN TẮC CHẤM ĐIỂM VÀ BÌNH XÉT THI ĐUA

I. NGUYÊN TẮC CHẤM ĐIỂM

1. Đối với các chỉ tiêu định lượng: Các chỉ tiêu định lượng các đơn vị căn cứ các chỉ tiêu, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm; những chỉ tiêu, kế hoạch nào không giao thì căn cứ vào Nghị quyết của cấp ủy (nếu có) hoặc ngành dọc giao để đăng ký thi đua; nếu không được giao chỉ tiêu thì căn cứ kết quả thực hiện năm trước liền kề để làm căn cứ xây dựng chỉ tiêu theo nguyên tắc không được thấp hơn.



2. Đối với các chỉ tiêu định tính: Căn cứ vào đăng ký thi đua và kết quả thực hiện của đơn vị (có chứng minh bằng văn bản) để chấm điểm.

II. PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

1. Phương pháp chấm điểm: Kết quả chấm điểm của từng đơn vị thành viên trong Khối được thực hiện bằng cách:

1.1. Điểm của các đơn vị thành viên đạt được: Là điểm sau khi tự chấm và được Khối trưởng, Khối phó tổng hợp rà soát, trao đổi thống nhất với các đơn vị thành viên.

1.2. Đối với nội dung 3, thi đua thực hiện nhiệm vụ công tác TĐKT của đơn


 SỞ
 GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO


vị là điểm do Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh chấm.

2. Căn cứ để chấm điểm

a) Căn cứ vào số liệu từ các nguồn chỉ tiêu kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền giao, công nhận;

b) Căn cứ vào số liệu của cơ quan thống kê;

c) Căn cứ vào thang điểm và phương pháp chấm điểm của Quy chế do Khối ban hành.

3. Cách tính điểm

Tổng số điểm thi đua là 1.000 điểm, trong đó, điểm thực hiện các nội dung là 950 điểm và điểm thưởng là 50 điểm.

a) Đối với các tiêu chí định lượng quy định tại điều 7 Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh: Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao hàng năm hoặc nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

Thực hiện đạt bao nhiêu % kế hoạch thì đạt số % điểm tương ứng điểm chuẩn của tiêu chí đó.

b) Đối với các tiêu chí định tính: Trên cơ sở đăng ký giao ước thi đua, thang điểm và phương pháp chấm điểm đã được Khối thống nhất và ký kết thực hiện trong năm, các đơn vị trong Khối tự chấm điểm.

4. Quy định về điểm thưởng, điểm trừ

4.1 Điểm thưởng:

- Thưởng cho các tiêu chí định lượng thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nội dung 1 theo nguyên tắc: Cứ vượt 1% kế hoạch thì được thưởng 1% điểm chuẩn của tiêu chí đó, nhưng không vượt quá 10% điểm chuẩn và không vượt quá 40 điểm thưởng của nội dung I.

- Thưởng 05 điểm của Nội dung 1 cho đơn vị đạt kết quả xếp hạng cải cách hành chính loại tốt hoặc xuất sắc.

- Thưởng 05 điểm cho các đơn vị thành viên trong Khối thi đua thực hiện vượt cả 2 tiêu chí thành phần quy định tại gạch đầu hàng thứ 2 và thứ 3 Tiết e Điểm 3.1, Tiết C Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 7 Quy định này (cách tính tỷ lệ: Tổng số cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác được khen của một cấp (khen thưởng xuyên, chuyên đề/đợt, đợt xuất) chia cho tổng số cá nhân được cấp đó khen thưởng trong năm nhân với 100%).

- Thưởng 05 điểm cho đơn vị thành viên trong Khối thi đua có có cách làm hay, sáng tạo trong việc tổ chức PTTĐ đạt hiệu quả cao hoặc thực hiện có hiệu quả công tác phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến, nhân tố xuất sắc hoặc phát hiện khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị khen thưởng kịp thời cho nhân tố xuất sắc, điển hình tiên tiến (đơn vị phải có văn bản thuyết minh cụ thể được tập thể Khối thi đua đồng ý).

4.2 Điểm trừ:

- Trừ 10 điểm đối với những cơ quan, địa phương, đơn vị đảm nhiệm Khối trưởng, khối phó mà năm đó chưa hoàn thành được nhiệm vụ quy định tại Điều 4 của Quy chế này hoặc điều hành mà để xảy ra mất đoàn kết trong Khối thi đua.

- Trừ 05 điểm đối với các đơn vị không cử lãnh đạo đơn vị tham gia cuộc họp Khối thi đua trong năm (*Lưu ý: Lãnh đạo vắng cuộc họp sơ kết trừ 02 điểm, cuộc họp tổng kết trừ 03 điểm*).

- Trừ 0,5 điểm mỗi hồ sơ trả về (trừ tối đa 05 điểm) đối với các hình thức khen thưởng cấp tỉnh do không thực hiện đúng quy định.

- Trừ 10 điểm đối với các đơn vị có cá nhân lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc, Phó Giám đốc sở) bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách; trừ 20 điểm và không xếp hạng nhất, nhì, ba, Khối thi đua trong trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên.

- Việc trừ điểm được thực hiện trong tổng số điểm sau khi chấm.

** Lưu ý: Thường trực Khối tổng hợp, rà soát, đối chiếu số liệu, căn cứ tính điểm để lập bản tổng hợp kết quả chấm điểm chung làm cơ sở xếp hạng.*

III. BÌNH XÉT THI ĐUA VÀ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

1. Cơ sở bình xét thi đua

a) Trên cơ sở nội dung báo cáo tổng kết thực hiện phong trào thi đua, bản tự chấm điểm của các đơn vị trong Khối đã được Khối trưởng, Khối phó tổng hợp, rà soát, trao đổi, thống nhất với các đơn vị thành viên; điểm nội dung 3 do Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh (Ban TĐKT tỉnh) chấm.

b) Các thành viên trong Khối xem xét thống nhất với kết quả điểm tổng hợp do Khối trưởng, Khối phó thực hiện. Kết quả xếp hạng từ số điểm cao đến số điểm thấp. Đơn vị có số điểm cao nhất là đơn vị đạt nhất Khối, nếu đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật TĐKT sẽ đề nghị tặng Cờ Thi đua của UBND tỉnh, các đơn vị có số điểm đạt kế tiếp là đơn vị đạt nhì khối.

c) Chỉ áp dụng hình thức bỏ phiếu kín trong các trường hợp sau:

- Khi có từ 02 đơn vị trở lên có số điểm bằng nhau;

- Khi các đơn vị trong Khối không thống nhất kết quả xếp hạng hoặc không bình xét được đơn vị dẫn đầu.

2. Các trường hợp không xét thi đua

- Không tham gia đăng ký và ký kết giao ước thi đua hàng năm;

- Không gửi báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong năm;

- Đơn vị đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ”.



E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy chế này được các thành viên trong Khối thống nhất thông qua và thống nhất áp dụng trong Khối năm 2019.

Căn cứ vào các nội dung đã ký kết giao ước thi đua và các nội dung trong Quy định này, các đơn vị thành viên trong Khối tổ chức chỉ đạo, thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước và các nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu, kế hoạch của cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

Trên đây là quy chế về hoạt động và bình xét thi đua của Khối. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị thành viên phản ánh về Khối trưởng, Khối phó để bổ sung, sửa đổi kịp thời cho phù hợp trong tổ chức thực hiện. / LM

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Ban TĐKT tỉnh;
- Thành viên Khối 3;
- Giám đốc Sở Nội vụ;
- BGĐ Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TĐKT.



Lê Quốc Anh
Giám đốc Sở Xây dựng